

Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



A Tư cách lưu trú

▲ [A Tư cách lưu trú](#)

Khi ở lại Nhật, quý vị cần phải có tư cách lưu trú. Tư cách lưu trú có 27 loại và mỗi loại có quy định khác nhau về phạm vi hoạt động và thời gian lưu trú tại Nhật.

1 Xác nhận tư cách lưu trú

Khi quý vị nhập cảnh và ở lại Nhật thì tư cách lưu trú và kỳ hạn lưu trú được xác định đối với quý vị tùy theo mục đích nhập cảnh. Loại tư cách lưu trú và kỳ hạn lưu trú được ghi rõ vào hộ chiếu nên quý vị có thể xem lại hộ chiếu của mình.

- 1 Vào ngày 11 tháng 3 năm 2005
- 2 Với mục đích thăm Nhật trong một thời gian ngắn như du lịch hay thăm bà con sống tại Nhật
- 3 Thời hạn lưu trú Được phép ở lại 90 ngày
- 4 Nhập cảnh ở ga hàng không thứ 2 của sân bay Narita

Nguồn: “Bản hướng dẫn về việc quản lý xuất nhập cảnh” do Sở quản lý nhập cảnh, Bộ Tư pháp phát hành

Tư cách lưu trú gồm 27 loại được phép ở lại và cấm những hoạt động bên ngoài khác.

(1) Tư cách lưu trú có thể làm việc được (16 loại)

Tư cách lưu trú	Hoạt động được phép tại Nhật <<một số ví dụ về nghề nghiệp>>	Thời gian lưu trú	Lao động
Ngoại giao	Hoạt động của những đối tượng như thành viên ngoại giao đoàn hay cơ quan lãnh sự của chính phủ nước ngoài mà chính phủ Nhật đón tiếp, người có đặc quyền và được miễn trừ như đại diện ngoại giao theo điều ước hay hiệp định quốc tế, và các thành viên gia đình của những người nêu trên. <<Đại sứ, công sứ, tổng lãnh sự của các chính phủ nước ngoài và gia đình của họ>>	Thời gian làm “hoạt động ngoại giao”	○
Công vụ	Hoạt động của những đối tượng như người làm công vụ của chính phủ nước ngoài hay cơ quan quốc tế mà chính phủ Nhật đã công nhận và các thành viên gia đình của những người nêu trên (ngoại trừ hoạt động nêu ở mục “Ngoại giao”). <<nhân viên của chính phủ nước ngoài và gia đình của họ>>	Thời gian làm “hoạt động công vụ”	○
Giáo sư	Hoạt động nghiên cứu, hướng dẫn nghiên cứu hay giảng dạy ở các trường đại học, cơ quan tương đương với đại học hay trường cao đẳng tại Nhật <<Giáo sư và giảng viên đại học.v.v...>>	3 năm hay 1 năm	○
Nghệ thuật	Hoạt động âm nhạc, mỹ thuật, văn học và những hoạt động nghệ thuật có thu nhập khác (ngoại trừ những hoạt động nêu ở mục “Hoạt động giải trí”)	3 năm hay 1 năm	○
Tôn giáo	Truyền giáo và những hoạt động tôn giáo khác của nhà tôn giáo mà đoàn thể tôn giáo của nước ngoài đã gửi qua Nhật <<nhà truyền giáo bởi đoàn thể tôn giáo nước ngoài đã gửi qua Nhật>>	3 năm hay 1 năm	○



Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



A Tư cách lưu trú

▲ [A Tư cách lưu trú](#)

Tư cách lưu trú	Hoạt động được phép tại Nhật <<một số ví dụ về nghề nghiệp>>	Thời gian lưu trú	Lao động
Báo chí	Phỏng vấn và những hoạt động báo chí theo hợp đồng với cơ quan báo chí nước ngoài. <<Phóng viên và thợ quay camera của cơ quan báo chí nước ngoài>>	3 năm hay 1 năm	○
Đầu tư, kinh doanh	Người nước ngoài bắt đầu kinh doanh về việc xuất nhập khẩu hay những ngành khác tại Nhật, hoặc đầu tư vào những ngành đó để kinh doanh hay quản trị kinh doanh cho một xí nghiệp nào đó, hoặc bắt đầu kinh doanh về sự nghiệp đó (Gồm pháp nhân nước ngoài. Sau đây cũng gồm pháp nhân này). Hay là hoạt động kinh doanh hoặc quản trị kinh doanh thay cho người nước ngoài đang đầu tư tại Nhật (ngoại trừ những hoạt động kinh doanh hoặc quản trị kinh doanh không được luật pháp cho phép nếu không đủ điều kiện như nêu ở mục “Luật pháp, kế toán”) <<Nhà kinh doanh xí nghiệp và người quản trị kinh doanh .v.v...>>	3 năm hay 1 năm	○
Luật pháp, kế toán	Hoạt động liên quan đến luật pháp hay kế toán của luật sư chuyên luật nước ngoài, chuyên viên kế toán có bằng nước ngoài và người có bằng hợp pháp. <<Luật sư và chuyên viên kế toán do nhà nước công nhận.v.v...>>	3 năm hay 1 năm	○
Y tế	Hoạt động y tế do bác sĩ, bác sĩ nha khoa và người có bằng hợp pháp. <<Bác sĩ, bác sĩ nha khoa, dược sĩ, y tá>>	3 năm hay 1 năm	○
Nghiên cứu	Hoạt động nghiên cứu theo hợp đồng với các cơ quan công lập/dân lập tại Nhật (ngoại trừ hoạt động nêu ở mục “Giáo sư”).	3 năm hay 1 năm	○
Giáo dục	Giáo dục ngoại ngữ hay những hoạt động giáo dục khác ở các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trường dành cho người mù, trường dành cho người điếc, trường dành cho người khuyết tật, trường chuyên nghiệp và các loại trường khác hoặc các cơ quan giáo dục tương đương với các trường nêu trên về mặt thiết bị và cơ cấu tại Nhật. <<Giảng viên ngoại ngữ dạy ở các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông .v.v...>>	3 năm hay 1 năm	○
Kỹ thuật	Hoạt động làm việc cần kỹ thuật hay kiến thức thuộc về ngành khoa học, ngành kỹ sư và những lĩnh vực liên quan đến khoa học tự nhiên theo hợp đồng với các cơ quan công lập/dân lập tại Nhật (ngoại trừ những hoạt động nêu ở mục “Giáo sư”, “Đầu tư, kinh doanh” và từ “Y tế” đến “Giáo dục”, “Chuyển công tác” và “Hoạt động giải thi”). <Kỹ sư cơ khí>>	3 năm hay 1 năm	○
Kiến thức nhân văn, nghiệp vụ quốc tế	Hoạt động làm việc cần kiến thức thuộc về luật, kinh tế học, xã hội học và những lĩnh vực liên quan đến khoa học nhân văn, hoặc tư tưởng và tri giác dựa trên cơ sở văn hoá nước ngoài(ngoại trừ những hoạt động nêu ở mục “Giáo sư”, “Nghệ thuật”, “Báo chí”, từ “Đầu tư, kinh doanh” đến “Giáo dục”, và “Chuyển công tác”, “Hoạt động giải thi”). <Giảng viên ngoại ngữ của xí nghiệp, nhà thiết kế thời trang và thông dịch .v.v...>>	3 năm hay 1 năm	○
Chuyển công tác	Nhân viên đã làm cho văn phòng đại diện ở nước ngoài của cơ quan công lập/ dân lập Nhật gồm cơ sở chính, chi nhánh và văn phòng khác đi chuyển công tác ở văn phòng khác nằm ở trong nước Nhật để làm hoạt động nêu ở mục “Kỹ thuật” hay hoạt động ở phần dưới của mục “Kiến thức nhân văn, nghiệp vụ quốc tế”. <<Nhân viên chuyển công tác từ văn phòng đại diện ở nước ngoài>>	3 năm hay 1 năm	○



Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



A Tư cách lưu trú

▲ [A Tư cách lưu trú](#)

Tư cách lưu trú	Hoạt động được phép tại Nhật <<một số ví dụ về nghề nghiệp>>	Thời gian lưu trú	Lao động
Hoạt động giải trí	Hoạt động giải trí như diễn kịch, biểu diễn văn nghệ và âm nhạc, thể thao và những hoạt động nghệ nhân khác (ngoại trừ những hoạt động nêu ở mục “Đầu tư, kinh doanh”). <<ca sỹ, người khiêu vũ, diễn viên, vận động viên chuyên nghiệp >>	1 năm, 6 tháng hay 3 tháng	○
Kỹ năng	Hoạt động làm việc cần kỹ năng nghề nghiệp thuộc về một số lĩnh vực đặc biệt trong ngành sản xuất theo hợp đồng với cơ quan công lập/dân lập Nhật. <<Đầu bếp làm món ăn nước ngoài, thợ gia công trang sức vàng bạc, phi công .v.v...>>	3 năm hay 1 năm	○

(2) Tư cách lưu trú không thể làm việc (6 loại)

Tư cách lưu trú	Hoạt động được phép tại Nhật <<một số ví dụ về nghề nghiệp>>	Thời gian lưu trú	Lao động
Hoạt động văn hoá	Hoạt động học thuật hay nghệ thuật không có thu nhập, hoạt động nghiên cứu chuyên môn về văn hoá hay kỹ nghệ độc đáo của Nhật, hay tu nghiệp về những môn đó do chuyên gia hướng dẫn (Ngoại trừ những hoạt động từ “Du học” đến “Tu nghiệp”). <<Nhà nghiên cứu văn hoá Nhật>>	1 năm hay 6 tháng	×
Ở lại ngắn hạn	Hoạt động chỉ cần một thời gian ngắn ở Nhật như du lịch, điều trị, thể thao, thăm viếng bà con, tham quan, nghe giảng, tham dự họp mặt, gặp gỡ trong công việc và những hoạt động tương tự <<Du lịch, công tác ngắn hạn, thăm bà con, bạn bè>>	90 ngày, 30 ngày hay 15 ngày	×
Du học	Hoạt động học tập tại các trường đại học, khóa học chuyên môn của trường chuyên nghiệp, cơ quan tư vấn luyện thi cho người nước ngoài đã học lớp 12 và muốn vào đại học Nhật, hay trường cao đẳng. <<Các sinh viên đại học, đại học ngắn hạn và cao đẳng.v.v...>>	2 năm hay 1 năm	×
Du học ngắn hạn	Hoạt động học tập tại các trường trung học phổ thông, khóa học trung học phổ thông của trường dành cho người mù, trường dành cho người điếc và trường dành cho người khuyết tật, khóa học trung học phổ thông hay khóa học chung của trường chuyên nghiệp, hay các loại trường khác (ngoại trừ các cơ quan qui định ở mục “Du học”) hay là các cơ quan giáo dục tương đương với các trường nêu trên về mặt thiết bị và cơ cấu tại Nhật. <<Học sinh trung học phổ thông, trường chuyên nghiệp (khóa học trung học phổ thông hay khóa học chung) .v.v...>>	1 năm hay 6 tháng	×
Tu nghiệp	Hoạt động học tập và tu nghiệp về kỹ thuật, kỹ năng và kiến thức (ngoại trừ những hoạt động ở mục du học và du học ngắn hạn) <<Tu nghiệp sinh>>	1 năm hay 6 tháng	×
Ở lại với gia đình	Hoạt động hằng ngày của vợ/ chồng con được nuôi dưỡng bởi người có tư cách lưu trú từ “Giáo sư” đến “Hoạt động văn hoá”, “Du học”, “Du học ngắn hạn” hay “Tu nghiệp”. <<Vợ/chồng con của người nước ngoài đang lao động tại Nhật.v.v...>>	3 năm, 2 năm, 1 năm, 6 tháng hay 3 tháng	×



Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



A Tư cách lưu trú

▲ [A Tư cách lưu trú](#)

(3) Tư cách lưu trú được quyết định có thể làm việc hay không tùy nội dung giấy phép của từng cá nhân (1 loại)

Tư cách lưu trú	Hoạt động được phép tại Nhật <<một số ví dụ về nghề nghiệp>>	Thời gian lưu trú	Lao động
Hoạt động có giới hạn đặc biệt	Hoạt động được đặc biệt chỉ định đối với từng cá nhân nước ngoài do Bộ trưởng Bộ tư pháp. << Người giúp việc của nhân viên ngoại giao.v.v...người lao động theo chế độ Working-holiday, và vận động viên không chuyên và thực tập sinh.v.v...>>	1. 3 năm, 1 năm hay 6 tháng 2. Thời gian không qua 1 năm mà Bộ trưởng Bộ tư pháp đã chỉ định cho từng cá nhân nước ngoài	○

(4) Tư cách lưu trú dựa trên thành phần hay vị trí (4 loại)

Tư cách lưu trú	Hoạt động được phép tại Nhật <<một số ví dụ về nghề nghiệp>>	Thời gian lưu trú	Lao động
Người vĩnh trú	Người được phép vĩnh trú do Bộ trưởng Bộ tư pháp. <<Người được Bộ trưởng Bộ tư pháp cho vĩnh trú>>	Không có giới hạn	◎
Vợ/chồng con của người Nhật	Vợ/chồng của người Nhật hay con nuôi đặc biệt theo qui định ở Điều 817, mục 2 của Luật dân sự (Luật pháp thứ 89 niên hiệu Minh Trị 29) hay là con ruột của người Nhật.<< Vợ/chồng, con ruột và con nuôi đặc biệt của người Nhật>>	3 năm hay 1 năm	◎
Vợ/chồng con của những người vĩnh trú	Vợ/chồng của người có tư cách lưu trú là người vĩnh trú, hay người vĩnh trú đặc biệt theo qui định của Luật đặc lệ quản lý nhập cảnh đối với người đã khỏi ra quốc tịch liên quan đến điều ước hoà bình (sau đây gọi là những người vĩnh trú) hay là người đã sinh ra và tiếp tục lưu trú tại Nhật với tư cách là con của những người vĩnh trú. << Vợ/chồng của người vĩnh trú, người vĩnh trú đặc biệt và con ruột của họ đã sinh ra và tiếp tục lưu trú tại Nhật>>	3 năm hay 1 năm	◎
Người định trú	Người được phép ở lại trong một thời gian lưu trú nhất định do Bộ trưởng Bộ tư pháp xem xét lý do đặc biệt của người đó để cho phép.<<Người tị nạn Đông dương, tị nạn theo điều ước, Nhật kiều thế hệ thứ 3 và con ruột của vợ/chồng người nước ngoài .v.v...>>	1 3 năm hay 1 năm 2 Thời gian không qua 3 năm mà Bộ trưởng Bộ tư pháp đã chỉ định cho từng cá nhân nước ngoài	◎

(Ghi chú) Nội dung biểu thị ở mục “Lao động”

- ◎ : Không có hạn chế về lao động
- : Có thể lao động trong một phạm vi nhất định
- × : Không được lao động

Nguồn: “Biểu liệt kê các tư cách lưu trú” bởi Trung tâm phục vụ lao động người nước ngoài Tokyo

